

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 35: từ ngày 07/04/2025 đến ngày 13/04/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K9-KTDN K10-KTDN P.303	Sáng	Nghỉ Lễ 10/3	Pháp luật (Nga) 2 GD chính trị (Thắm) 3	Tiếng anh (Linh) 4	GDTC (Thúy) 4	
						Tin học (Hà)
K9-DVTY K10-DVTY P.303	Sáng		Pháp luật (Nga) 2 GD chính trị (Thắm) 3	Tiếng anh (Linh) 4	GDTC (Thúy) 4	
						Tin học (Hà)
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT63A1 P.203	Sáng	Nghỉ Lễ 10/3				
	Chiều		Sinh hoạt lớp 1 Thực tập cơ bản (Bình) 3	Thực tập cơ bản (Bình) 4	Thực tập cơ bản (Bình) 4	Thực tập cơ bản (Bình) 4
CNTY63A3 P.301	Sáng					
	Chiều		Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	Ngoại sản (Lệ) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4
CNTY63A4 P.205	Sáng					
	Chiều		Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 3	KT thịt và các SP khác (Quyên) 4	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 4
KTDN63A P.204	Sáng					
	Chiều		Sinh hoạt lớp 1 Kế toán HCSN (P.Thảo) 3	Kế toán HCSN (P.Thảo) 3	THKT trong DNSX (T.Thảo) 3	
CNTT63A1 P.TH	Sáng					
	Chiều		Sinh hoạt lớp 1 QTHT Web và Mail Server (Hà) 3	Đồ họa ứng dụng (Quang) 4	Xử lý ảnh với Corel (Thảo) 4	
CNTT63A2 P.TH	Sáng					
	Chiều		Sinh hoạt lớp 1 SD các thiết bị VP (Trường) 3	Xử lý ảnh với Corel (Thảo) 4	QTHT Web và Mail Server (Hà) 4	

TT64A1 P.306	Sáng	Nghị Lễ 10/3	Sinh hoạt lớp	1	Hóa BVTV (Hương)	4	Khuyến nông (Thọ)	4	Côn trùng chuyên khoa (Huệ)	4
	Chiều		Thủy nông (Bình)	4						
CNTY64A1 P.102	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	Giống vật nuôi (Hằng)	4	CD và ĐTH thú y (Vân)	4	Dược lý thú y (Lệ)	4
	Chiều		Tin học (Hà)	4						
CNTY64A3 P.202	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	KTTG (Quyên)	4	VSV - TN (Hòa)	4	Dược lý thú y (H.Nga)	4
	Chiều		CD và ĐTH thú y (Lệ)	4						
KTDN64A1 P.103	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	Nguyên lý Marketing (Sơn)	4	Tài chính DN (Hoa)	4	Nguyên lý Marketing (Sơn)	4
	Chiều		Kế toán DN1 (Q.Mai)	4						
KTDN64A2 P.101	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4
	Chiều		GDQP - AN (Mạnh)	4						
CNTT64A1 P.305	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	Cấu trúc DL và GT (Hà)	4	Lập trình cơ bản (Thảo)	4	Mạng máy tính (Quang)	4
	Chiều		Tổ chức QLDN (Sơn)	4						
CNTT64A2 P.A202	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	Mạng máy tính (Quang)	4	Cấu trúc DL và GT (Hà)	4	Lập trình cơ bản (Thảo)	4
	Chiều		Tổ chức QLDN (T.Thảo)	4						
ĐCN63A1 P.A102	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4		
	Chiều		Trang bị điện (Đ.Đức)	3						
ĐCN63A2 P.A103	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4		
	Chiều		Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	3						
ĐCN64A1 P.A102	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	Máy điện (Tuấn)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều		Máy điện (Tuấn)	4					(P.302)	
ĐCN64A2 P.A103	Sáng		Sinh hoạt lớp	1	Truyền động điện (Nga)	4	Máy điện (Huân)		Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều		Máy điện (Giáp)	4					(P.303)	

ĐCN64A3 P.A301	Sáng	Nghị Lễ 10/3	Sinh hoạt lớp	1	Truyền động điện (Hòa)	4	Máy điện (Dương)	4	Máy điện (Dương)	4
	Chiều		Tiếng anh (K.Nhung)	4						
ĐCN 63B	Sáng									
	Chiều		Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Cung cấp điện (Huân)	4
ĐCN64B	Sáng		Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4	Truyền động điện (Hòa)	4	Máy điện (Huân)	4
	Chiều									
TL63	Sáng									
	Chiều		KT nền móng (N.Đức)	3	KT nền móng (N.Đức)	3	VH máy bơm li tâm và hỗn lưu (Hoà)	3	KT nền móng (N.Đức)	3
TL64B	Sáng		Trắc địa (N.Đức)	4	Vẽ KT thủy lợi (Huyền)	4	Trắc địa (N.Đức)	4	Vẽ KT thủy lợi (Huyền)	4
	Chiều									
KTDN63B	Sáng									
	Chiều		THKT trong DNSX (Dung)	3	Kiểm toán (Mai)	3	THKT trong DNSX (Dung)	3	Kế toán HCSN (T.Thảo)	3
KTDN64B	Sáng		KT vi mô (Mai)	4	Lý thuyết KT (T.Thảo)	4	KT vi mô (Mai)	4	Tài chính DN (Dung)	4
	Chiều									
CBBQ63	Sáng									
	Chiều		Sản xuất sạch hơn (Năm)	3	Sản xuất sạch hơn (Năm)	3	CB khô thủy sản (Liên)	3	Sản xuất sạch hơn (Năm)	3
CBBQ64	Sáng		CB Surimi (Năm)	4	Bao bì thực phẩm (Liên)	4	CB Surimi (Năm)	4	An toàn lao động (Ánh)	4
	Chiều									
ĐKTB63	Sáng									
	Chiều		Tiếng anh CN hàng hải (Nhưng)	3	Địa văn hàng hải (Tiến)		Điều động tàu 2 (Trung)	3	Tiếng anh CN hàng hải (Nhưng)	3
KTMĐT63	Sáng									
	Chiều		TH cơ bản (Đồng)	3	TH cơ bản (Đồng)	3	TH cơ bản (Đồng)	3	TH cơ bản (Đồng)	3

KTMTT64	Sáng	Trực ca (Trung)	4	Vật liệu máy tàu thủy (Tiến)	4	Tiếng anh CN A1 (T.Nhung)	4	Cơ kỹ thuật (N.Đức)
	Chiều							
NTTS64	Sáng	Bệnh động vật thủy sản (Ánh)	4	Bệnh động vật thủy sản (Ánh)	4	Bệnh động vật thủy sản (Ánh)	4	DD thức ăn trong NTTS (Năm)
	Chiều							

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT64A2	Sáng	Thủy nông (Bình)	4 Sinh hoạt lớp Cây lương thực (Thọ)	1 Thủy nông (Bình) 4
	Chiều	Hóa BVTV (Huệ)	4 Cây lương thực (Thọ)	4 Thủy nông (Bình)
TT64A3 P.304	Sáng	GD chính trị (Thắm)	4 Sinh hoạt lớp Tiếng anh (K.Nhung)	1 GDTC (Hà) 4
	Chiều	Tin học (Thoa)	4 Tiếng anh (K.Nhung)	4 Pháp luật (Nga)
CN63A2 P.102	Sáng		KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4 Sinh hoạt lớp KT thịt và các SP khác (Phượng)
	Chiều		KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4 Ngoại sản (Lệ)
CN64A2 P.304	Sáng	GD chính trị (Thắm)	4 Sinh hoạt lớp Tiếng anh (K.Nhung)	1 GDTC (Hà) 4
	Chiều	Tin học (Thoa)	4 Tiếng anh (K.Nhung)	4 Pháp luật (Nga)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ
Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 35: từ ngày 07/04/2025 đến ngày 13/04/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B3 P.201	Sáng	Nghỉ lễ 10/3	HDTN (Phượng) 1 Sinh học (Phượng) 4 Địa lý (Thùy) 4	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)	GDKT và PL (Quỳnh) 2 (Ôn tập)	Toán (Nhưng) 5
	Chiều				Toán (Nhưng) 2 (Ôn tập)	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)
VH62B4	Sáng		HDTN (Quỳnh) 1 GDKT và PL (Quỳnh) 4 Toán (Nhưng) 4	Toán (Nhưng) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 3 CD Ngữ văn (Hằng) 2 Lịch sử (Hà) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)
	Chiều					Vật lý (Hòa) 4
VH62B5 P.104	Sáng		Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)	Toán (Quý) 4	Toán (Quý) 2 (Ôn tập)	Địa lý (Ngọc) 2 (Ôn tập)
	Chiều		HDTN (Quý) 1 Toán (Quý) 3	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4
VH63B1	Sáng		Vật lý (Hòa) 5	GDKT và PL (Đ.Thủy) 2 Hóa học (Vân) 3	HDTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Hà) 3 CD Lịch sử (Hà) 2
VH63B3 P.203	Sáng		Lịch sử (Dự) 2 Ngữ văn (Hương) 3	GDKT và PL (Quế) 3 Ngữ văn (Hương) 2	HDTN (Hà) 1 Toán (Thảo) 4	Địa lý (Chung) 3 Sinh học (Phượng) 2
VH63B4 P.205	Sáng		Toán (Nhưng) 5	Sinh học (Phượng) 3 Ngữ văn (H.Hà) 2	HDTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 2 Hóa học (Vân) 2	GDKT và PL (Quỳnh) 3 Địa lý (Chung) 2
VH63B5 P.A101	Sáng		Toán (Trang) 2 Lịch sử (Dự) 3	Vật lý (Hòa) 3 Lịch sử (Dự) 2	HDTN (Quế) 1 GDKT và PL (Quế) 4	Ngữ văn (Hương) 3 CD Ngữ văn (Hương) 2
	Chiều					CD Địa lý (Thùy) 4

VH63B6 P.302	Sáng	Nghị lễ 10/3	Hoá học (Vân) 2	Lịch sử (Dự) 3	HDTN (Hoà) 1	Địa lý (Nhài) 5
	Chiều		Toán (Trang) 3	Toán (Trang) 2	Ngữ văn (Hương) 4	
VH63B7 P.301	Sáng					Hóa học (Vân) 2
	Chiều					GDKT và PL (Quế) 2
VH63B8 P.204	Sáng		Toán (Quý) 2	Hóa học (Hà) 3	HDTN (Nga) 1	Hóa học (Hà) 3
	Chiều		Hóa học (Hà) 3	Vật lý (Hòa) 2	Địa lý (Nhài) 4	Lịch sử (Dự) 2
	Sáng					GDKT và PL (Nga) 2
	Chiều					Toán (Quý) 2
VH64B1	Chiều		Địa lý (Nhài) 3	Ngữ văn (Hương) 3	HDTN (K.Nhung) 1	Toán (Thảo) 4
			CĐ Địa lý (Nhài) 2	GDKT và PL (Quế) 2	Vật lý (Hòa) 2	
VH64B2 P.306	Chiều				Sinh học (Phượng) 2	
						Sinh học (Phượng) 2
VH64B3 P.A202	Chiều		Địa lý (Thủy) 4	HDTN (Hằng) 1	Toán (Hương) 4	Lịch sử (Hà) 4
				Ngữ văn (Hằng) 3		
VH64B4 P.A101	Chiều		Địa lý (Chung) 4	HDTN (Nhung) 1	Toán (Trang) 4	Ngữ văn (H.Hà) 2
				Lịch sử (Nhung) 3		GDKT và PL (Nga) 2
VH64B5 P.A301	Chiều		Vật lý (Hòa) 2	HDTN (Vân) 1	Địa lý (Thủy) 4	Toán (Quý) 2
			CĐ GDKT và PL (Tài) 2	GDKT và PL (Quyên) 3		GDKT và PL (Quyên) 2
VH64B6 P.103	Chiều		HDTN (H.Nga) 1	Toán (Trang) 4	Ngữ văn (Hương) 2	Ngữ văn (Hương) 2
			Địa lý (H.Nga) 3		Vật lý (Vân) 2	GDKT và PL (Đ. Thủy) 2
			HDTN (Hoà) 1	Ngữ văn (Lý) 4	Lịch sử (Nhung) 2	Toán (Trang) 4
			Vật lý (Hoà) 3		Hóa học (Hà) 2	
			Sinh học (Phượng) 2	HDTN (H. Hà) 1	GDKT và PL (Quyên) 2	GDKT và PL (Quyên) 2
			Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 3	Lịch sử (Nhung) 2	Sinh học (Phượng) 2

VH64B7 P.101	Chiều	Lịch sử (Nhưng)	4	HDTN (Dự)	1	Toán (Thảo)	4	Địa lý (Chung)	2
				GDKT và PL (Đ. Thúy)	3			CĐLC Địa lý (Chung)	2
VH64B8 P.102	Chiều	Toán (Trang)	4	HDTN (Phiên)	1	Địa lý (Chung)	2	Ngữ văn (Lý)	4
				Sinh học (Hồng)	3	CĐLC Địa lý (Chung)	2		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ
ĐOÀN VĂN LƯU

